TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HUYỆN THIỆU HÓA **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tỉnh Thanh Hóa

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST

Ngày 21/12/2017

V/v: *Ly hôn giữ anh M và chị B*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Công Lâm

2. Ông Lê Dũng Tấn

Thư ký tòa án : Bà Phùng Thị Tố Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa

Ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở TAND huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2017/HNGĐ ngày 10/10/2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37 /2017/QĐXX-ST ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Trịnh Xuân M - Sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Lợi Thượng, xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

-Bị đơn: Chị Hoàng Thị B - Sinh năm 1977

HKTT: Thôn Lợi Thượng, xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa

Chỗ ở: Thôn Quan Trung 1, xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt anh M, chị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 22/08/2017 và được bổ sung bằng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án: Anh Trịnh Xuân M và chị Hoàng Thị B trình bày: Anh và chị kết hôn chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng đến ngày 30/10/2010 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa trên cơ sở tìm hiệu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận hạnh phúc của vợ chồng sau kết hôn đến tháng 2 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tình tính vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên to tiếng xúc phạm nhau, cuốc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến

tháng 05 năm 2015 mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm, chị Bền đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Quan Trung 1, xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa ở cho đến nay không quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị B và anh M có hai con chung là cháu cháu Trịnh Thị Nh, sinh ngày 20/08/2007; cháu Trịnh Thị Q sinh ngày 20/11/2009. Nay ly hôn quan điểm của anh M xin tòa giải quyết cho anh được nuôi một cháu, chị B nuôi một cháu không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ly hôn quan điểm của chị B đề nghị tòa án giải quyết cho chị được nuôi hai con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Do anh M đang nuôi hai người con riêng chưa thành niên của người vợ trước hơn nữa giữa con chung và con riêng của chị và anh không có sự đoàn kết, hai cháu con riêng là con gái đang còn nhỏ cần có bàn tay chăm sóc của mẹ, chị đề nghị tòa án xem xét cho chị nuôi hai con chung để đảm bảo quyền lợi cho hai cháu.

Về tài sản, công nợ chung: Anh M, chị B không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị B và anh M về phần hôn nhân thống nhất thuận tình ly hôn, về tài sản, công nợ chung anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phần tranh luận: Anh M vẫn giữ nguyên quan điểm của mình về phần nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Anh yêu cầu tòa án giải quyết cho anh được nuôi một cháu, anh vẫn có điều kiện chăm sóc hai người con riêng và con chung, bố mẹ anh đang còn khỏe có thể phụ giúp anh chăm sóc con được.

Tại phần tranh luận: Chị B không đồng ý giao cháu nào cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng vì anh không có thời gian chăm sóc con, bản thân anh làm công việc trang trại bận bựu tối ngày, hơn nữa chị muốn bảo vệ các con chung của chị vì hai cháu là con gái đang còn nhỏ, giữa cháu trai con riêng của anh M và hai cháu gái nhỏ con chung đã có những hành vi không đúng mực đạo đức, chị đã có nói anh M nhưng anh M không dạy dỗ con riêng. Chị đang còn sức khỏe vẫn đi làm gần nhà nên có thời gian chăm sóc các cháu, chị không đồng ý cho ông bà nội thay anh M chăm sóc con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa. HĐXX nhận định.

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2]Về hôn nhân: Anh Trịnh Xuân M và chị Hoàng Thị B kết hôn với nhau vào ngày 30/10/2010 tại UBND xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa trên cơ sở

tìm hiệu tự nguyện có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự hòa giải được với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa, xét thấy tình cảm vợ chồng của anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh chị thuận tình ly hôn phù hợp với phát luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 55 Luật HNGĐ công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[3]Về con chung: Chị B và anh M có hai con chung là cháu Trịnh Thị Nh, sinh ngày 20/08/2007; cháu Trịnh Thị Q sinh ngày 20/11/2009. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị B. Tại bản tự khai, biên bản phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hai bên không thống nhất được việc nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị Bền và anh M đều phù hợp pháp luật. Tuy nhiên anh M hiện đang nuôi hai con của người vợ trước chưa thành niên, để chia sẽ bớt khó khăn về việc chăm sóc con cho anh M, xét đề nghị của cháu Nh và cháu Q, xét mọi mặt có lợi cho các cháu, HĐXX thấy rằng cần giao cháu Nh và cháu Q cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Buộc anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]Về tài sản, công nợ chung: Chị B, anh M không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

[5]Về án phí: Anh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51,55, 81,82,83, 107,110,116,117 Luật HNGĐ, Điều 271, 273 BLTTDS.

1.Về hôn nhân: Công nhận anh Trịnh Xuân M và chị H Thị B thuận tình ly hôn.

2.Về con chung:

+Giao hai cháu Trịnh Thị Nh, sinh ngày 20/08/2007 và cháu Trịnh Thị Q sinh ngày 20/11/2009 cho chị Hoàng Thị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

+Buộc anh Trịnh Xuân M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nh và cháu Q mỗi tháng 1.000.000đ/1 cháu, hai cháu là 2.000.000đ/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu Nhi và cháu Q tròn 18 tuổi.

Anh M có quyền đi lại chăm sóc, thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+Anh M chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2014/001239 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thiệu Hóa, anh M còn phải nộp tiếp 300.000đ án phí nuôi con nữa.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh M, chị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận
-Các đương sự
-VKSND huyện Thiệu Hóa
-Chi cục THA DS huyện Thiệu Hóa
-Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Quân